

PHỤ LỤC 6: DANH SÁCH 406 KHÁCH HÀNG
ĐÃ NHẬN ĐỦ TIỀN THEO HỢP ĐỒNG; KHÔNG YÊU CẦU THƯỜNG LÃI SUẤT
KHÔNG THAM GIA TỔ TỤNG

(Kèm theo Bản án số: 477/2025/HS- ST, ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội)

STT	Họ và tên	Số nhà/ thôn/ xóm	Xã/ phường	Quận/ huyện/ TP	Tỉnh/ TP thuộc TW	Năm sinh/SĐT	Yêu cầu bồi thường Giá trị còn lại HĐ	Số tiền đầu tư	Số tiền đã nhận	Số tiền gốc còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nguyễn Minh Hậu	Khu phố Xuân An 2	TT Chợ Lầu	Bắc Bình	Bình Thuận	0908948437	1.526.667	12.800.000	18.773.333	-5.973.333
2	Lê Thị Ngọc Loan	Khu phố Xuân An 2	TT Chợ Lầu	Bắc Bình	Bình Thuận	0382297237	7.693.333	25.600.000	32.906.667	-7.306.667
3	Nguyễn Thân	Sơn Trà 2	Bình Đông	Bình Sơn	Quảng Ngãi	0983099664	1.900.000	12.800.000	18.400.000	-5.600.000
4	Trần Thị Thương	Sơn Trà 2	Bình Đông	Bình Sơn	Quảng Ngãi	0337002799	8.099.355	25.600.000	32.500.645	-6.900.645
5	Ngô Thị Thủy Tiên	Phước Thiện	Bình Hải	Bình Sơn	Quảng Ngãi	0964425898	20.257.850	64.000.000	81.242.150	-17.242.150
6	Lê Văn Hiệp	Tân Bình	Bình Minh	Trảng Bom	Đồng Nai	0367011379	15.266.666	128.000.000	187.733.334	-59.733.334
7	Nguyễn Quốc Hưng	TDP, Đống 2	Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		3.319.355	12.800.000	16.980.645	-4.180.645
8	Lê Thị Kim Liên	414C2-34 Trần Phú	Điện Biên	Ba Đình	Hà Nội		40.935.484	128.000.000	162.064.516	-34.064.516
9	Cao Thị Hiền	cụm 4	Hạ Mỗ	Đan Phượng	Hà Nội	0989475785	1.260.000	12.800.000	19.040.000	-6.240.000
10	Vũ Bình Duy	khu 3	Trần Phú	Móng Cái	Quảng Ninh	0914790468	1.953.333	12.800.000	18.346.667	-5.546.667

11	Trần Văn Thạnh	148/150/9 đường 3/2	Hưng Lợi	Ninh Kiều	Cần Thơ		6.845.161	25.600.000	33.754.839	-8.154.839
12	Phạm Thị Sơn Hà		Nam Sơn	Tam Điệp	Ninh Bình		16.686.667	38.400.000	44.213.333	-5.813.333
13	Phạm Thị Quyên	số 16, Ngõ 100, Quan Thổ I	Ô Chợ Dừa	Đống Đa	Hà Nội		5.503.226	25.600.000	35.096.774	-9.496.774
14	Đỗ Thị Ngọc Bích	Phúc Mãn	Phú Phúc	Lý Nhân	Hà Nam		12.280.645	38.400.000	48.619.355	-10.219.355
15	Đỗ Quang Hưng	Giẽ Hạ	Phú yên	Phú Xuyên	Hà Nội	0949575567	6.948.387	25.600.000	33.651.613	-8.051.613
16	Trương Thúy Mai	61 Hẻm 6/31/5 Đặng Văn Ngữ	Phương Liên	Đống Đa	Hà Nội	0983616256	17.887.097	64.000.000	83.612.903	-19.612.903
17	Đoàn Thị Hạnh	12 Nguyễn Biểu	Quán Thánh	Ba Đình	Hà Nội		52.112.904	192.000.000	252.387.096	-60.387.096
18	Trần Thị Trà Thu	Đông Hưng	Quảng Đông	Quảng Trạch	Quảng Bình	0912079676	1.793.333	12.800.000	18.506.667	-5.706.667
19	Lê Phương Vi	số 2 dãy H/18 Ngõ Quyển	Quang Trung	Hà Đông	Hà Nội	0382269395	28.560.000	153.600.000	215.040.000	-61.440.000
20	Nguyễn Thị Hương	Thọ Đồng	Quỳnh Thọ	Quỳnh Lưu	Nghệ An	0989758712	2.306.667	25.600.000	38.293.333	-12.693.333
21	Lã Thị Thu Hương	nhà số 8- ngõ 76 Vũ Xuân Thiều	Sài Đồng	Long Biên	Hà Nội	0983319418	28.548.388	128.000.000	174.451.612	-46.451.612
22	Nguyễn Thị Ánh Hồng	187 Chùa Thông	Sơn Lộc	Sơn Tây	Hà Nội	0974846988	4.093.548	12.800.000	16.206.452	-3.406.452
23	Nguyễn Việt Hưng	Ninh Cầm	Tân Dân	Sóc Sơn	Hà Nội	0975309092	26.046.667	89.600.000	116.053.333	-26.453.333
24	Hồ Thị Thanh Thúy	Trâm Vàng I	Thanh Phước	Gò Dầu	Tây Ninh	0914478032	7.300.000	38.400.000	53.600.000	-15.200.000

25	Tạ Thị Bích Hải	Tầng 2 E2	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	Hà Nội		12.141.936	51.200.000	69.058.064	-17.858.064
26	Tạ Thị Thu Hà	Tầng 2 E2	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	Hà Nội		1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
27	Võ Thị Thúy Hằng	Trâm Vàng 3	Thanh Phước	Gò Dầu	Tây Ninh	0775969767	17.100.000	115.200.000	165.600.000	-50.400.000
28	Trần Thúy Nga	586 Lĩnh Nam	Trần Phú	Hoàng Mai	Hà Nội	0394066986	1.686.667	12.800.000	18.613.333	-5.813.333
29	Vũ Thị Nga	TDP Lê Hồng Phong	TT Đu	Phú Lương	Thái Nguyên	0983670038	3.906.667	25.600.000	36.693.333	-11.093.333
30	Trần Thị Kim Loan	Đản Dị	Uy Nỗ	Đông Anh	Hà Nội		44.380.645	76.800.000	77.419.355	-619.355
31	Phạm Quốc Khánh	172 Hà Thuyên	Vị Xuyên	Nam Định	Nam Định	0945339919	11.851.613	25.600.000	28.748.387	-3.148.387
32	Phạm Thị Miên	Thôn Cầu	Vĩnh Khúc	Văn Giang	Hưng Yên	0982670500	17.252.688	38.400.000	43.647.312	-5.247.312
33	Nguyễn Văn Phùng	số 11 đường 4 KDC Miên Nam	Hưng Phú	Cái Răng	Cần Thơ	0913818104	20.467.742	64.000.000	81.032.258	-17.032.258
34	Nguyễn Việt Thùy	109 Xô Viết Nghệ Tĩnh	An Cư	Ninh Kiều	Cần Thơ	0918662368	20.467.742	64.000.000	81.032.258	-17.032.258
35	Lê Quang Huy	53 Ngõ Quyền		Sơn Tây	Hà Nội		4.780.000	12.800.000	15.520.000	-2.720.000
36	Chu Quốc Vinh	8/29 Vị Xuyên	vị xuyên	Nam Định	Nam Định		7.877.420	25.600.000	32.722.580	-7.122.580
37	Nguyễn Thị Thu Hà	số 12, ngõ 53 Trường Chinh		Thanh Xuân	Hà Nội		15.564.516	64.000.000	85.935.484	-21.935.484
38	Đoàn Ngọc Minh Danh	Ngũ Xá	Bình Chánh	Thăng Bình	Quảng Nam		7.100.000	64.000.000	94.400.000	-30.400.000

39	Đoàn Trọng Việt		Chính Nghĩa	Kim Động	Hưng Yên		2.006.667	12.800.000	18.293.333	-5.493.333
40	Trương Tuấn Phong	8/165/31 tổ 28	Dịch Vọng	Cầu Giấy	Hà Nội		7.900.000	64.000.000	93.600.000	-29.600.000
41	Nguyễn Thị Kim Tho		Dịch Vọng Hậu	Cầu giấy	Hà Nội		440.313.550	742.400.000	752.686.450	-10.286.450
42	Nguyễn Thị Thu Huyền	thôn 3	Đông Dư	Gia Lâm	Hà Nội	0967999295	9.766.667	64.000.000	91.733.333	-27.733.333
43	Nguyễn Thị Phương		Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		2.520.000	25.600.000	38.080.000	-12.480.000
44	Nguyễn Thị Quyên	Thôn 8	Ea Wer	Buôn Đôn	Đắk Lắk		1.633.333	12.800.000	18.666.667	-5.866.667
45	Trần Quang Vinh		Hà Thượng	Đại Từ	Thái Nguyên		2.545.161	12.800.000	17.754.839	-4.954.839
46	Phạm Thị Thu Trang		Hoàng Diệu	Thái Bình	Thái Bình		14.016.129	64.000.000	87.483.871	-23.483.871
47	Nguyễn Thế Hoàng		Hợp Thành	Sơn Dương	Tuyên Quang		19.246.452	102.400.000	143.153.548	-40.753.548
48	Trần Thị Ly	12 ngõ 7 tổ 7	Phú Lương	Hà Đông	Hà Nội		6.073.334	38.400.000	54.826.666	-16.426.666
49	Vũ Thị Yến	Ngọc Thanh	Kim Động	Long Biên	Hà Nội		47.390.322	89.600.000	94.709.678	-5.109.678
50	Nguyễn Thị Lan		Kim Tân	Kim Thành	Hải Dương		10.566.667	64.000.000	90.933.333	-26.933.333
51	Nguyễn Thị Tú Anh		Lê Thanh	Mỹ Đức	Hà Nội		11.586.667	25.600.000	29.013.333	-3.413.333
52	Lê Thị Minh Hằng		Minh Tiến	Đoan Hùng	Phú Thọ	0971554916	37.322.580	128.000.000	165.677.420	-37.677.420
53	Nguyễn Thành Chung	thôn Trầm	Nghĩa Hưng	Lạng Giang	Bắc Giang		7.790.323	38.400.000	53.109.677	-14.709.677

54	Hoàng Công Hoàn	tổ 1 Yên Tân	Ngọc Thụy	Long Biên	Hà Nội		215.282.982	435.200.000	474.917.018	-39.717.018
55	Đinh Thị Duyên	Văn Lâm	Minh Hải	Hoa Lư	Ninh Bình		4.066.667	25.600.000	36.533.333	-10.933.333
56	Nguyễn Thị Thu Trang	Thị Tứ	Phong Điền	Phong Điền	Cần Thơ		17.629.032	64.000.000	83.870.968	-19.870.968
57	Trương Thị Ga		Phú Minh	Phú Xuyên	Hà Nội		9.500.000	64.000.000	92.000.000	-28.000.000
58	Nguyễn Duy Tuấn		sông Cầu	TP Bắc Kạn	Bắc Kạn		1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
59	Lê Thị Tuyết Nhung		Sù Ngòi	Hòa Bình	Hòa Bình		4.483.010	25.600.000	36.116.990	-10.516.990
60	Nguyễn Thị Thanh Thảo	Lâm Xuyên 1	Tam Hồng	Yên Lạc	Vĩnh Phúc		1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
61	Phạm Thị Thu Huyền		Tam Hợp	Bình Xuyên	Vĩnh Phúc		2.803.226	12.800.000	17.496.774	-4.696.774
62	Phạm Thị Ánh Nguyệt	cụm 9	Tân Lập	Đan Phượng	Hà Nội		33.848.387	115.200.000	148.851.613	-33.651.613
63	Quách Trần Bạch Tuyết		Thạch Thắng	Vĩnh Thạnh	Cần Thơ		6.246.667	64.000.000	95.253.333	-31.253.333
64	Nguyễn Quốc Thắng	210A2	Thành Công	Ba Đình	Hà Nội		10.566.667	64.000.000	90.933.333	-26.933.333
65	Phạm Linh Chi	P120 G6B	Thành Công	Ba Đình	Hà Nội		155.156.990	512.000.000	656.843.010	-144.843.010
66	Nguyễn Thị Thu Trang		Thanh Lâm	Mê Linh	Hà Nội		48.900.000	140.800.000	174.400.000	-33.600.000
67	Nguyễn Thị Dung		Thanh Tùng	Thanh Miện	Hải Dương		53.034.624	115.200.000	129.665.376	-14.465.376
68	Hoàng Tuyết Anh	78/304 Lê Duẩn	Trung Phụng	Đống Đa	Hà Nội		9.766.667	64.000.000	91.733.333	-27.733.333
69	Lê Đức Vận		Trung Sơn	Tam Điệp	Ninh Bình		56.199.140	128.000.000	146.800.860	-18.800.860

70	Nguyễn Phương Thảo		Trung Sơn	Tam Điệp	Ninh Bình		2.906.452	12.800.000	17.393.548	-4.593.548
71	Nguyễn Thị Thanh Hoàn		TT Phú Thái	Kim Thành	Hải Dương		7.429.032	38.400.000	53.470.968	-15.070.968
72	Lý Việt Tùng	số 1 Ngõ 10	Tương Mai	Hoàng Mai	Hà Nội		57.567.742	179.200.000	226.632.258	-47.432.258
73	Hoàng Thị Toan		Vĩnh Ngọc	Đông Anh	Hà Nội		1.473.333	12.800.000	18.826.667	-6.026.667
74	Đặng Công Lợi	tổ 30	tổ 13 Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		21.433.333	38.400.000	39.466.667	-1.066.667
75	Nguyễn Thị Thu Hương		Yên Ninh	TP Yên Bái	Yên Bái		19.435.484	64.000.000	82.064.516	-18.064.516
76	Đỗ Thị Thêm	Yên Thư	Yên Phương	Yên Lạc	Vĩnh Phúc		19.945.806	51.200.000	61.254.194	-10.054.194
77	Phạm Thị Hạnh			Đan Phượng	Hà Nội		5.500.000	64.000.000	96.000.000	-32.000.000
78	Nguyễn Ngọc Minh Tâm	18/16C Trần Ngọc Giải	6	Mỹ Tho	Tiền Giang		1.686.667	12.800.000	18.613.333	-5.813.333
79	Nguyễn Đại Lượng	thôn Vàng	Bích Sơn	Việt Yên	Bắc Giang		227.333.333	1.280.000.000	1.802.666.667	-522.666.667
80	Đinh Vân Ngọc	Khu 5	Cẩm Thượng	Hải Dương	Hải Dương		3.373.333	25.600.000	37.226.667	-11.626.667
81	Lý Thị Tuyết		Cao Thượng	Ba Bể	Bắc Kạn		2.220.000	12.800.000	18.080.000	-5.280.000
82	Nguyễn Thị Dương Liên	153 Nguyễn Văn Thủ	Đa Kao	Quận 1	TP HCM		3.525.806	12.800.000	16.774.194	-3.974.194
83	Vi Thị Mai	Nam Hòa	Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Thái Nguyên		22.425.806	102.400.000	139.974.194	-37.574.194
84	Đoàn Thị Minh Hiên	Tổ 44 cụm 8	Đông Khê	Ngô Quyền	Hải Phòng		4.740.000	38.400.000	56.160.000	-17.760.000

85	Lê Minh Thu		Đồng Quang	Thái Nguyên	Thái Nguyên		4.440.000	25.600.000	36.160.000	-10.560.000
86	Lê Thị Thanh Huyền		Đồng Quang	Thái Nguyên	Thái Nguyên		1.512.903	12.800.000	18.787.097	-5.987.097
87	Nguyễn Thị Kim Liên		Đồng Quang	Thái Nguyên	Thái Nguyên		8.880.000	51.200.000	72.320.000	-21.120.000
88	Phạm Tuyết Mai	106 tổ 7	Đồng Tâm	Hai Bà Trưng	Hà Nội		9.766.667	64.000.000	91.733.333	-27.733.333
89	Nguyễn Thị Tâm		Đông Trà	Tiền Hải	Thái Bình		133.825.806	384.000.000	475.174.194	-91.174.194
90	Trần Thị Hòa		Đông Trung	Tiền Hải	Thái Bình		154.690.325	332.800.000	373.109.675	-40.309.675
91	Phạm Văn Lễ	TT Me	Gia Viễn	TP Ninh Bình	Ninh Bình		77.394.118	140.800.000	145.905.882	-5.105.882
92	Tổng Thị Ân		Hà Bình	Hà Trung	Thanh Hóa		3.373.333	25.600.000	37.226.667	-11.626.667
93	Phạm Quốc Ân	10 Phố Huế	Hàng Bài	Hoàn Kiếm	Hà Nội		3.370.968	12.800.000	16.929.032	-4.129.032
94	Bùi Thị Dung		Hàng Trạm	Yên Thủy	Hòa Bình		22.372.258	64.000.000	79.127.742	-15.127.742
95	Trần Xuân Hồng		Hoàng Văn Thụ	Thái Nguyên	Thái Nguyên		1.512.903	12.800.000	18.787.097	-5.987.097
96	Phạm Thị Ngọc		Hồng Tiến	Phổ Yên	Thái Nguyên		1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
97	Đỗ Văn Toán		Hùng Dũng	Hưng Hà	Thái Bình		13.577.204	25.600.000	27.022.796	-1.422.796
98	Nguyễn Thị Hạnh		Hương Lung	Cẩm Khê	Phú Thọ		5.500.000	64.000.000	96.000.000	-32.000.000
99	Phan Thị Hồng Duyên		Hương Sơn	Thái Nguyên	Thái Nguyên		38.609.248	89.600.000	103.490.752	-13.890.752

100	Phạm Thị Đông		Khánh An	Yên Khánh	Ninh Bình		16.100.000	38.400.000	44.800.000	-6.400.000
101	Phạm Thị Nhân		Khánh Nhac	Yên Khánh	Ninh Bình		2.906.452	12.800.000	17.393.548	-4.593.548
102	Phạm Thị Liên		Kỳ Phú	Nho Quan	Ninh Bình		29.698.494	76.800.000	92.101.506	-15.301.506
103	Nguyễn Thanh Tuấn		Lý Văn Lâm	Cà Mau	Cà Mau		24.751.613	64.000.000	76.748.387	-12.748.387
104	Nguyễn Thị Ngọc Duyên		Mũi Né	Phan Thiết	Bình Thuận		4.546.667	25.600.000	36.053.333	-10.453.333
105	Hoàng Văn Thực		Mỹ Thuận	Tân Sơn	Phú Thọ		6.948.387	25.600.000	33.651.613	-8.051.613
106	Lê Văn Biên		Nga Tiến	Nga Sơn	Thanh Hóa		19.288.602	51.200.000	61.911.398	-10.711.398
107	Nguyễn Thị Minh Nguyệt		Phan Đình Phùng	Thái Nguyên	Thái Nguyên		14.802.796	38.400.000	46.097.204	-7.697.204
108	Nguyễn Hiền Linh	số 141	phố Huế	Hai Bà Trưng	Hà Nội		33.666.667	128.000.000	169.333.333	-41.333.333
109	Phạm Quang Sự		Phú Xá	Thái Nguyên	Thái Nguyên		92.769.679	217.600.000	252.330.321	-34.730.321
110	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	4C Lãng Bình Thăng	Phường 13	Quận 11	TP HCM		5.606.452	25.600.000	34.993.548	-9.393.548
111	Trương Thiên Tân	15/6B/22 Quang Trung	Phường 8	Gò Vấp	TP HCM		31.266.451	89.600.000	110.833.549	-21.233.549
112	Quản Văn Từ		Quang Vinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên		6.535.484	25.600.000	34.064.516	-8.464.516
113	Hoàng Thị Thúy Hồng		Sơn Cẩm	Phú Lương	Thái Nguyên		2.803.226	12.800.000	17.496.774	-4.696.774
114	Lê Đình Trình	344 QL 1A Khu Phố 3	Tam Bình	Thủ Đức	TP Hồ Chí Minh		20.209.677	64.000.000	81.290.323	-17.290.323

115	Bùi Tiến Phúc	Hung Giáo	Tam Hưng	Thanh Oai	Hà Nội	0988108532	3.422.581	12.800.000	16.877.419	-4.077.419
116	Nguyễn Thị Thanh Nga		Tân Hồng	TX Từ Sơn	Bắc Ninh		4.613.333	51.200.000	76.586.667	-25.386.667
117	Trần Đình Tiến	khu 9	Tân Phú	Tân Sơn	Phú Thọ		23.830.752	89.600.000	118.269.248	-28.669.248
118	Trần Thị Thuý Linh	số 4 KP4	Tân Tào	Bình Tân	TP HCM		3.009.677	12.800.000	17.290.323	-4.490.323
119	Huỳnh Văn Khuynh	Ấp 3	Tân Thành	Cà Mau	Cà Mau		101.618.279	192.000.000	202.881.721	-10.881.721
120	Vũ Thị Sy		Tây Lương	Tiền Hải	Thái Bình		127.290.322	256.000.000	278.709.678	-22.709.678
121	Hồ Thanh Xuân	Ấp 1	Thạnh Lộc	Cai Lậy	Tiền Giang		17.090.968	38.400.000	43.809.032	-5.409.032
122	Ngô Quang Cường		Thọ Xương	Bắc Giang	Bắc Giang		1.953.333	12.800.000	18.346.667	-5.546.667
123	Phạm Khắc Gia		Tiền Phong	Thái Bình	Thái Bình		47.521.720	102.400.000	114.878.280	-12.478.280
124	Nguyễn Thị Liên	Ấp 3	Trung An	Mỹ Tho	Tiền Giang		1.686.667	12.800.000	18.613.333	-5.813.333
125	Phạm Thái Hạnh		Trung Thành	Thái Nguyên	Thái Nguyên		7.154.839	25.600.000	33.445.161	-7.845.161
126	Tổng Văn Phúc		Trung Thành	Thái Nguyên	Thái Nguyên		10.353.764	38.400.000	50.546.236	-12.146.236
127	Trần Hải Yến		TT Cái Nước	Cái Nước	Cà Mau		3.370.968	12.800.000	16.929.032	-4.129.032
128	Nguyễn Thị Tuyết		TT Rừng Thông	Đông Sơn	Thanh Hóa		2.648.387	12.800.000	17.651.613	-4.851.613
129	Trần Xuân Thực	tổ 11 Phú Nông Bắc	Vĩnh Ngọc	Nha Trang	Khánh Hòa		18.403.226	64.000.000	83.096.774	-19.096.774
130	Vũ Thị Hồng Thắm		Xuân Dương	Thanh Oai	Hà Nội		7.633.333	64.000.000	93.866.667	-29.866.667

131	Phạm Thị Cậy	Khánh Nhạc	Yên Khánh	Ba Đình	Hà Nội		14.948.387	25.600.000	25.651.613	-51.613
132	Nguyễn Anh Tuấn	TT Z191 Cầu Diễn		Từ Liêm	Hà Nội		14.892.903	51.200.000	66.307.097	-15.107.097
133	Nguyễn Thị Mùi	số 15/46 đường Trung Sơn Trầm		Sơn Tây	Hà Nội		24.424.732	64.000.000	77.075.268	-13.075.268
134	Vũ Khắc Diệp				Hải Phòng		12.440.000	25.600.000	28.160.000	-2.560.000
135	Đặng Xuân Thảo				Hồ Chí Minh		3.300.000	38.400.000	57.600.000	-19.200.000
136	Tạ Thanh Thủy	130 Mai Thị Hồng Hạnh		Rạch Giá	Kiên Giang		99.722.797	166.400.000	166.577.203	-177.203
137	Trần Thị Hồng				Nam Định		2.593.333	12.800.000	17.706.667	-4.906.667
138	Nguyễn Trường Lâm				Phú Thọ		29.946.451	115.200.000	152.753.549	-37.553.549
139	Nguyễn Thị Vân Anh				Quảng Ninh		3.266.667	25.600.000	37.333.333	-11.733.333
140	Nguyễn Thị Hoàng Phượng				TP Hồ Chí Minh		205.980.642	486.400.000	565.419.358	-79.019.358
141	Âu Thanh Vũ						20.209.677	64.000.000	81.290.323	-17.290.323
142	Bành Thái Anh						1.953.333	12.800.000	18.346.667	-5.546.667
143	Bùi Bá Hiếu						9.346.666	25.600.000	31.253.334	-5.653.334
144	Bùi Đức Tuấn						26.283.871	51.200.000	54.916.129	-3.716.129

145	Bùi Mỹ Ngọc						68.806.452	128.000.000	134.193.548	-6.193.548
146	Bùi Ngọc Bảo						34.860.861	64.000.000	66.639.139	-2.639.139
147	Bùi Thị Anh Đào						5.153.333	12.800.000	15.146.667	-2.346.667
148	Bùi Thị Hậu						5.229.032	12.800.000	15.070.968	-2.270.968
149	Bùi Thị Phương Thúy						7.396.774	12.800.000	12.903.226	-103.226
150	Bùi Thị Thanh						5.022.581	12.800.000	15.277.419	-2.477.419
151	Bùi Văn Thông						5.900.000	12.800.000	14.400.000	-1.600.000
152	Bùi Văn Trị						18.164.516	38.400.000	42.735.484	-4.335.484
153	Cao Thị Phi Nga						28.761.290	51.200.000	52.438.710	-1.238.710
154	Đặng Đức Hậu						9.800.000	76.800.000	112.000.000	-35.200.000
155	Đặng Hữu Chung						4.300.000	12.800.000	16.000.000	-3.200.000
156	Đặng Lê Minh Tâm						18.629.032	38.400.000	42.270.968	-3.870.968
157	Đặng Mạnh Tùng						137.612.904	256.000.000	268.387.096	-12.387.096
158	Đặng Thị Anh Đào						9.958.065	38.400.000	50.941.935	-12.541.935
159	Đặng Thị Cấn						12.522.581	25.600.000	28.077.419	-2.477.419

160	Đặng Thị Hạnh						17.700.000	38.400.000	43.200.000	-4.800.000
161	Đặng Thị Lan						16.846.667	38.400.000	44.053.333	-5.653.333
162	Đặng Thị Thương						5.313.333	12.800.000	14.986.667	-2.186.667
163	Đào Văn Quý						6.364.516	12.800.000	13.935.484	-1.135.484
164	Đinh Ngọc Nghị						5.526.667	12.800.000	14.773.333	-1.973.333
165	Đinh Thị Đình						5.206.667	12.800.000	15.093.333	-2.293.333
166	Đinh Thị Hạnh						2.060.000	12.800.000	18.240.000	-5.440.000
167	Đinh Thị Minh Trâm						4.780.000	12.800.000	15.520.000	-2.720.000
168	Đinh Thị Ngọc Bích						5.900.000	12.800.000	14.400.000	-1.600.000
169	Đinh Văn Tú						6.829.032	12.800.000	13.470.968	-670.968
170	Đỗ Công Danh						13.761.290	25.600.000	26.838.710	-1.238.710
171	Đỗ Đức Hiệp						5.709.677	25.600.000	34.890.323	-9.290.323
172	Đỗ Văn Chuyển						6.948.388	25.600.000	33.651.612	-8.051.612
173	Đỗ Văn Hiền						6.261.290	12.800.000	14.038.710	-1.238.710
174	Đoàn Hoàng Duy						8.166.667	64.000.000	93.333.333	-29.333.333

175	Đoàn Thị Kiều Nhi						2.840.000	25.600.000	37.760.000	-12.160.000
176	Đoàn Thị Thiêm						4.661.290	12.800.000	15.638.710	-2.838.710
177	Đoàn Văn Hùng						4.513.333	12.800.000	15.786.667	-2.986.667
178	Đồng Thị Tuyết						7.087.097	12.800.000	13.212.903	-412.903
179	Hà Ngọc Ngoan						64.241.935	192.000.000	240.258.065	-48.258.065
180	Hồ Thăng Long						10.566.667	64.000.000	90.933.333	-26.933.333
181	Hoàng Thị Hậu						50.916.130	102.400.000	111.483.870	-9.083.870
182	Hoàng Thị Hồng Linh						206.677.419	384.000.000	402.322.581	-18.322.581
183	Hoàng Thị Quyết						35.951.613	64.000.000	65.548.387	-1.548.387
184	Hoàng Thị Tuyết Nhưng						35.435.484	64.000.000	66.064.516	-2.064.516
185	Hoàng Văn Kiêm						80.040.000	153.600.000	177.960.000	-24.360.000
186	Hoàng Viễn Nhân						5.793.333	12.800.000	14.506.667	-1.706.667
187	Hoàng Việt Anh						62.951.613	192.000.000	241.548.387	-49.548.387
188	Hoàng Xuân Đình						49.400.000	128.000.000	153.600.000	-25.600.000
189	Huỳnh Diễm Thúy						7.900.000	64.000.000	93.600.000	-29.600.000

190	Huỳnh Minh Trung						4.460.000	12.800.000	15.840.000	-3.040.000
191	Huỳnh Thị Phương Liên						1.900.000	12.800.000	18.400.000	-5.600.000
192	Kiều Thanh Quý						12.522.581	25.600.000	28.077.419	-2.477.419
193	Lâm Mộng Thường						32.080.645	64.000.000	69.419.355	-5.419.355
194	Lê Đức Tú						35.177.419	64.000.000	66.322.581	-2.322.581
195	Lê Lin Đô						4.248.387	12.800.000	16.051.613	-3.251.613
196	Lê Long						102.633.333	192.000.000	201.866.667	-9.866.667
197	Lê Ngọc Vũ						7.190.323	12.800.000	13.109.677	-309.677
198	Lê Ngọc Vy						18.577.419	38.400.000	42.322.581	-3.922.581
199	Lê Quốc Dũng						11.160.000	25.600.000	29.440.000	-3.840.000
200	Lê Thị Bích Thảo						44.225.807	76.800.000	77.574.193	-774.193
201	Lê Thị Hồng Hương						9.306.667	51.200.000	71.893.333	-20.693.333
202	Lê Thị Kim Anh						40.620.000	115.200.000	142.080.000	-26.880.000
203	Lê Thị Mai Thanh						20.641.935	38.400.000	40.258.065	-1.858.065
204	Lê Thị Nga						71.524.732	128.000.000	131.475.268	-3.475.268

205	Lê Thị Nhựt Tiếng						26.886.237	89.600.000	115.213.763	-25.613.763
206	Lê Thị Phúc						95.467.743	192.000.000	209.032.257	-17.032.257
207	Lê Thị Thảo Sương						53.561.290	153.600.000	190.038.710	-36.438.710
208	Lê Thị Thúy Hoa						13.725.806	38.400.000	47.174.194	-8.774.194
209	Lê Thu Hiền						4.093.548	12.800.000	16.206.452	-3.406.452
210	Lê Thu Lan						425.052.690	832.000.000	900.447.310	-68.447.310
211	Lê Thúy Phượng						200.661.916	358.400.000	367.738.084	-9.338.084
212	Lê Trường Giang						7.500.000	12.800.000	12.800.000	0
213	Lê Tùng Lâm						24.966.667	64.000.000	76.533.333	-12.533.333
214	Lê Văn Đức						8.600.000	25.600.000	32.000.000	-6.400.000
215	Lê Văn Hạnh						5.633.333	12.800.000	14.666.667	-1.866.667
216	Lê Văn Phương						60.548.387	128.000.000	142.451.613	-14.451.613
217	Lưu Minh Tiến						6.225.806	25.600.000	34.374.194	-8.774.194
218	Lưu Thị Huyền						242.480.000	409.600.000	421.520.000	-11.920.000
219	Lý Công Trường						14.174.193	25.600.000	26.425.807	-825.807

220	Lý Quốc Thanh						32.080.645	64.000.000	69.419.355	-5.419.355
221	Mai Thị Hoàng Anh						22.345.161	38.400.000	38.554.839	-154.839
222	Mai Thị Hồng Ngọc						4.886.667	12.800.000	15.413.333	-2.613.333
223	Mai Thị Hồng Thắm						25.515.484	64.000.000	75.984.516	-11.984.516
224	Mai Thị Minh Hồng						9.322.581	25.600.000	31.277.419	-5.677.419
225	Mai Thị Thu Vân						63.387.097	128.000.000	139.612.903	-11.612.903
226	Mai Thị Tuyết Nga						5.793.333	12.800.000	14.506.667	-1.706.667
227	Mai Văn Bình						63.645.160	128.000.000	139.354.840	-11.354.840
228	Ngô Minh Châu						31.306.452	64.000.000	70.193.548	-6.193.548
229	Ngô Thị Mỹ Phụng						20.826.667	51.200.000	60.373.333	-9.173.333
230	Ngô Thị Ngọc Thủy						9.773.333	25.600.000	30.826.667	-5.226.667
231	Ngô Thị Ngọc Thủy						6.622.581	12.800.000	13.677.419	-877.419
232	Ngô Thị Tuyết						89.067.741	192.000.000	215.432.259	-23.432.259
233	Ngô Xuân Chiến						74.483.870	128.000.000	128.516.130	-516.130
234	Nguyễn Bách Thanh Thư						25.061.290	64.000.000	76.438.710	-12.438.710

235	Nguyễn Đức Thiện						56.696.774	102.400.000	105.703.226	-3.303.226
236	Nguyễn Dương Điệp						4.993.333	12.800.000	15.306.667	-2.506.667
237	Nguyễn Duy Phượng						5.846.667	12.800.000	14.453.333	-1.653.333
238	Nguyễn Duy Tấn						14.016.129	64.000.000	87.483.871	-23.483.871
239	Nguyễn Hải Đăng						7.087.097	12.800.000	13.212.903	-412.903
240	Nguyễn Hoàng Nhã						3.009.677	12.800.000	17.290.323	-4.490.323
241	Nguyễn Hoàng Thanh Trâm						14.896.774	25.600.000	25.703.226	-103.226
242	Nguyễn Hồng Điều						2.220.000	12.800.000	18.080.000	-5.280.000
243	Nguyễn Hùng Anh						1.526.667	12.800.000	18.773.333	-5.973.333
244	Nguyễn Kim Anh						147.500.000	320.000.000	360.000.000	-40.000.000
245	Nguyễn Lê Phạm Huỳnh						11.366.667	64.000.000	90.133.333	-26.133.333
246	Nguyễn Mạnh Cường						14.853.332	51.200.000	66.346.668	-15.146.668
247	Nguyễn Minh Trí						20.229.032	38.400.000	40.670.968	-2.270.968
248	Nguyễn Ngọc Cảnh						12.644.732	25.600.000	27.955.268	-2.355.268
249	Nguyễn Ngọc Giang						3.887.097	12.800.000	16.412.903	-3.612.903

250	Nguyễn Ngọc Long						17.840.000	51.200.000	63.360.000	-12.160.000
251	Nguyễn Ngọc Vân						21.106.452	38.400.000	39.793.548	-1.393.548
252	Nguyễn Ngọc Vương						4.460.000	12.800.000	15.840.000	-3.040.000
253	Nguyễn Phúc Trọng						6.725.806	12.800.000	13.574.194	-774.194
254	Nguyễn Quốc Thái						5.633.333	12.800.000	14.666.667	-1.866.667
255	Nguyễn Quốc Thế						11.586.667	25.600.000	29.013.333	-3.413.333
256	Nguyễn Quỳnh Anh						9.500.000	64.000.000	92.000.000	-28.000.000
257	Nguyễn Thanh Hiền						8.813.333	25.600.000	31.786.667	-6.186.667
258	Nguyễn Thanh Hiền						22.500.000	38.400.000	38.400.000	0
259	Nguyễn Thành Huy						23.100.000	64.000.000	78.400.000	-14.400.000
260	Nguyễn Thanh Lâm						8.600.000	25.600.000	32.000.000	-6.400.000
261	Nguyễn Thanh Sang						7.500.000	12.800.000	12.800.000	0
262	Nguyễn Thế Bắc						5.206.667	12.800.000	15.093.333	-2.293.333
263	Nguyễn Thế Dũng						11.000.000	128.000.000	192.000.000	-64.000.000
264	Nguyễn Thế Hoàn						33.053.333	76.800.000	88.746.667	-11.946.667

265	Nguyễn Thị An Khương						14.980.000	38.400.000	45.920.000	-7.520.000
266	Nguyễn Thị Hằng						8.400.000	38.400.000	52.500.000	-14.100.000
267	Nguyễn Thị Hoa						35.177.419	64.000.000	66.322.581	-2.322.581
268	Nguyễn Thị Hồng Hà						33.112.903	64.000.000	68.387.097	-4.387.097
269	Nguyễn Thị Hồng Yến						71.903.226	128.000.000	131.096.774	-3.096.774
270	Nguyễn Thị Huế						22.746.667	51.200.000	58.453.333	-7.253.333
271	Nguyễn Thị Huệ						7.035.484	12.800.000	13.264.516	-464.516
272	Nguyễn Thị Hương						5.400.000	25.600.000	35.200.000	-9.600.000
273	Nguyễn Thị Huỳnh Thư						9.880.000	25.600.000	30.720.000	-5.120.000
274	Nguyễn Thị Kim Ba						48.332.473	179.200.000	235.867.527	-56.667.527
275	Nguyễn Thị Kim Dung						14.213.764	25.600.000	26.386.236	-786.236
276	Nguyễn Thị Kim Nguyên						26.041.935	64.000.000	75.458.065	-11.458.065
277	Nguyễn Thị Linh						28.066.666	128.000.000	174.933.334	-46.933.334
278	Nguyễn Thị Minh Tâm						111.337.419	192.000.000	200.362.581	-8.362.581
279	Nguyễn Thị Minh Thuyết						30.532.258	64.000.000	70.967.742	-6.967.742

280	Nguyễn Thị Mộng Linh						6.467.742	12.800.000	13.832.258	-1.032.258
281	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh						6.829.032	12.800.000	13.470.968	-670.968
282	Nguyễn Thị Nghĩa						1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
283	Nguyễn Thị Ngọc						18.474.194	38.400.000	42.425.806	-4.025.806
284	Nguyễn Thị Ngọc Hà						5.900.000	12.800.000	14.400.000	-1.600.000
285	Nguyễn Thị Nhung						2.380.000	12.800.000	17.920.000	-5.120.000
286	Nguyễn Thị Thanh						34.919.355	64.000.000	66.580.645	-2.580.645
287	Nguyễn Thị Thành						6.106.452	12.800.000	14.193.548	-1.393.548
288	Nguyễn Thị Thành						6.106.452	12.800.000	14.193.548	-1.393.548
289	Nguyễn Thị Thanh Hằng						46.468.387	128.000.000	156.531.613	-28.531.613
290	Nguyễn Thị Thư						4.886.667	12.800.000	15.413.333	-2.613.333
291	Nguyễn Thị Thư						18.938.710	38.400.000	41.961.290	-3.561.290
292	Nguyễn Thị Thu Hằng						3.422.581	12.800.000	16.877.419	-4.077.419
293	Nguyễn Thị Thu Hương						14.500.000	38.400.000	46.400.000	-8.000.000
294	Nguyễn Thị Thu Mai						4.833.333	12.800.000	15.466.667	-2.666.667

295	Nguyễn Thị Thu Sương						4.653.333	25.600.000	35.946.667	-10.346.667
296	Nguyễn Thị Thu Thủy						37.500.000	64.000.000	64.000.000	0
297	Nguyễn Thị Thúy						27.109.677	51.200.000	54.090.323	-2.890.323
298	Nguyễn Thị Trang						12.625.806	25.600.000	27.974.194	-2.374.194
299	Nguyễn Thị Trúc Ly						1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
300	Nguyễn Thị Tuyết						37.241.935	64.000.000	64.258.065	-258.065
301	Nguyễn Thị Yên						35.177.419	64.000.000	66.322.581	-2.322.581
302	Nguyễn Thiên Hoa						24.433.334	64.000.000	77.066.666	-13.066.666
303	Nguyễn Thu Ánh						8.290.323	25.600.000	32.309.677	-6.709.677
304	Nguyễn Tiến Nghĩa						41.606.452	128.000.000	161.393.548	-33.393.548
305	Nguyễn Trang Anh						6.261.290	12.800.000	14.038.710	-1.238.710
306	Nguyễn Trọng Tuân						6.777.419	12.800.000	13.522.581	-722.581
307	Nguyễn Trung Phong						29.133.334	128.000.000	173.866.666	-45.866.666
308	Nguyễn Trung Thanh						4.886.667	12.800.000	15.413.333	-2.613.333
309	Nguyễn Trung Tín						4.041.935	12.800.000	16.258.065	-3.458.065

310	Nguyễn Trường An						15.841.935	38.400.000	45.058.065	-6.658.065
311	Nguyễn Văn Cường						-	64.000.000	101.500.000	-37.500.000
312	Nguyễn Văn Tâm						20.467.742	64.000.000	81.032.258	-17.032.258
313	Nguyễn Văn Thành						7.774.194	25.600.000	32.825.806	-7.225.806
314	Nguyễn Văn Thành						41.451.612	128.000.000	161.548.388	-33.548.388
315	Nguyễn Việt Tuyền						10.422.581	38.400.000	50.477.419	-12.077.419
316	Nguyễn Xuân Bằng						19.785.806	51.200.000	61.414.194	-10.214.194
317	Nguyễn Xuân Khoát									0
318	Phạm Ngọc Phú						57.522.581	102.400.000	104.877.419	-2.477.419
319	Phạm Thị Ánh Tuyết						3.851.613	25.600.000	36.748.387	-11.148.387
320	Phạm Thị Huyền Trang						12.700.000	64.000.000	88.800.000	-24.800.000
321	Phạm Thị Kiều Trinh						6.741.935	25.600.000	33.858.065	-8.258.065
322	Phạm Thị Lan Anh						74.587.096	128.000.000	128.412.904	-412.904
323	Phạm Thị Liên						4.867.742	12.800.000	15.432.258	-2.632.258
324	Phạm Thị Liên						6.674.194	12.800.000	13.625.806	-825.806

325	Phạm Thị Nhung						28.032.258	128.000.000	174.967.742	-46.967.742
326	Phạm Thị Tám						3.286.667	12.800.000	17.013.333	-4.213.333
327	Phạm Thị Thu Thủy						44.282.581	76.800.000	77.517.419	-717.419
328	Phạm Thị Thu Trang						2.113.333	12.800.000	18.186.667	-5.386.667
329	Phạm Thị Vinh						13.245.161	25.600.000	27.354.839	-1.754.839
330	Phạm Thúy Linh						43.997.634	89.600.000	98.102.366	-8.502.366
331	Phạm Trung Khải						12.200.861	25.600.000	28.399.139	-2.799.139
332	Phạm Văn Điền						12.522.581	25.600.000	28.077.419	-2.477.419
333	Phạm Văn Nghiên						5.951.613	12.800.000	14.348.387	-1.548.387
334	Phạm Văn Quang						6.777.419	12.800.000	13.522.581	-722.581
335	Phạm Văn Thức						133.828.604	371.200.000	454.871.396	-83.671.396
336	Phạm Văn Tuyển						11.480.000	25.600.000	29.120.000	-3.520.000
337	Phan Huy Phong						92.400.000	256.000.000	313.600.000	-57.600.000
338	Phan Kim Hồng						3.835.484	12.800.000	16.464.516	-3.664.516
339	Phan La Sơn						5.526.667	12.800.000	14.773.333	-1.973.333

340	Phan Thanh Hải						29.480.430	51.200.000	51.719.570	-519.570
341	Phan Thị Hồng Mai						415.893.550	960.000.000	1.106.606.450	-146.606.450
342	Phan Thị Thủy Tâm						32.335.483	102.400.000	130.064.517	-27.664.517
343	Phan Thu Hồng						22.035.484	38.400.000	38.864.516	-464.516
344	Phan Thuận Hoàng						67.087.097	115.200.000	115.612.903	-412.903
345	Phan Tuấn Anh						28.761.290	51.200.000	52.438.710	-1.238.710
346	Phan Tuấn Huy						7.361.290	25.600.000	33.238.710	-7.638.710
347	Phùng Khải Hoàn						7.366.667	64.000.000	94.133.333	-30.133.333
348	Phùng Như Thiên Nhân						1.633.333	12.800.000	18.666.667	-5.866.667
349	Phùng Thị Nga						2.220.000	12.800.000	18.080.000	-5.280.000
350	Tạ Quỳnh Anh						12.966.667	64.000.000	88.533.333	-24.533.333
351	Tạ Thị Tỵ						4.300.000	12.800.000	16.000.000	-3.200.000
352	Thái Thị Ngọc Huệ						35.951.613	64.000.000	65.548.387	-1.548.387
353	Tô Văn Nguyên						75.719.355	166.400.000	188.180.645	-21.780.645
354	Tổng Thiện Khiêm						5.633.333	12.800.000	14.666.667	-1.866.667

355	Trần Bảo Quốc						14.948.387	25.600.000	25.651.613	-51.613
356	Trần Công Thanh						7.087.097	12.800.000	13.212.903	-412.903
357	Trần Hồng Nam						6.003.226	12.800.000	14.296.774	-1.496.774
358	Trần Hồng Việt						14.690.323	25.600.000	25.909.677	-309.677
359	Trần Kim Cúc						8.393.548	25.600.000	32.206.452	-6.606.452
360	Trần Kim Ngọc Huệ						39.917.849	76.800.000	81.882.151	-5.082.151
361	Trần Thị Bình						14.070.968	25.600.000	26.529.032	-929.032
362	Trần Thị Hạnh						12.109.677	25.600.000	28.490.323	-2.890.323
363	Trần Thị Hồng Nhung						71.746.667	128.000.000	131.253.333	-3.253.333
364	Trần Thị Mộng Cầm						5.951.613	12.800.000	14.348.387	-1.548.387
365	Trần Thị Ngọc						1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
366	Trần Thị Thảo Loan						15.620.000	38.400.000	45.280.000	-6.880.000
367	Trần Thị Thảo Trang						18.913.548	51.200.000	62.286.452	-11.086.452
368	Trần Thị Thu Dung						5.074.194	12.800.000	15.225.806	-2.425.806
369	Trần Thị Trang						20.209.677	64.000.000	81.290.323	-17.290.323

370	Trần Thị Vân Anh						73.807.742	128.000.000	129.192.258	-1.192.258
371	Trần Văn Duy						9.613.333	25.600.000	30.986.667	-5.386.667
372	Trần Văn Minh						4.780.000	12.800.000	15.520.000	-2.720.000
373	Trần Việt Cường						4.546.667	25.600.000	36.053.333	-10.453.333
374	Trần Xuân Hưng						1.100.000	12.800.000	19.200.000	-6.400.000
375	Trần Xuân Minh						57.933.334	128.000.000	145.066.666	-17.066.666
376	Triệu Thị Minh Hằng						11.266.667	25.600.000	29.333.333	-3.733.333
377	Trình Ngọc Phượng						4.513.333	12.800.000	15.786.667	-2.986.667
378	Trình Ngọc Phượng						11.800.000	25.600.000	28.800.000	-3.200.000
379	Trịnh Xuân Đường						12.212.903	25.600.000	28.387.097	-2.787.097
380	Trương Quỳnh Chi						15.620.000	38.400.000	45.280.000	-6.880.000
381	Trương Trần Thị Tuyết Trinh						12.625.806	25.600.000	27.974.194	-2.374.194
382	Trương Tuấn Anh						37.500.000	64.000.000	64.000.000	0
383	Trương Tuấn Hùng						41.088.387	89.600.000	101.011.613	-11.411.613
384	Ung Văn Đông						31.564.516	64.000.000	69.935.484	-5.935.484

385	Văn Thanh Nha						24.426.452	64.000.000	77.073.548	-13.073.548
386	Võ Anh Thái						6.829.032	12.800.000	13.470.968	-670.968
387	Võ Thị Bé Chính						38.870.968	128.000.000	164.129.032	-36.129.032
388	Võ Thị Thu Hằng						5.740.000	12.800.000	14.560.000	-1.760.000
389	Vũ Duy Toàn						12.590.323	38.400.000	48.309.677	-9.909.677
390	Vũ Hoàng Yến						74.483.870	128.000.000	128.516.130	-516.130
391	Vũ Ngọc Quang						33.370.968	64.000.000	68.129.032	-4.129.032
392	Vũ Tấn Tài						6.054.839	12.800.000	14.245.161	-1.445.161
393	Vũ Thành Đoàn						13.658.065	25.600.000	26.941.935	-1.341.935
394	Vũ Thế Trung	Quân Chung, PK- KQ					3.009.677	12.800.000	17.290.323	-4.490.323
395	Vũ Thị Anh						1.526.667	12.800.000	18.773.333	-5.973.333
396	Vũ Thị Duyên						11.480.000	25.600.000	29.120.000	-3.520.000
397	Vũ Thị Hoa						63.533.333	128.000.000	139.466.667	-11.466.667
398	Vũ Thị Hồng Thắm						7.633.333	64.000.000	93.866.667	-29.866.667
399	Vũ Thị Hồng Thắm						6.432.258	25.600.000	34.167.742	-8.567.742

400	Vũ Thị Hồng Thắm						23.900.000	64.000.000	77.600.000	-13.600.000
401	Vũ Thị Hồng Thắm						14.340.000	38.400.000	46.560.000	-8.160.000
402	Vũ Thị Loan						73.790.323	192.000.000	230.709.677	-38.709.677
403	Vũ Thị Thúy Điều						5.900.000	12.800.000	14.400.000	-1.600.000
404	Vũ Văn Phô						24.298.494	51.200.000	56.901.506	-5.701.506
405	Vũ Xuân Phương						2.220.000	12.800.000	18.080.000	-5.280.000
406	Vương Thành Phước						14.793.548	25.600.000	25.806.452	-206.452
Tổng:							10.959.669.560	28.160.000.000	33.760.330.440	-5.600.330.440